TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Cương.
Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều L - Sinh năm 1995 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20-02-2023).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-11-2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày: bà L và ông Lê Văn T tổ chức lễ cưới năm 2014, đăng ký kết hôn ngày 10-02-2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, bà L về làm dâu và bất hòa từ giữa năm 2015 đến nay. Nguyên nhân chính vì kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lúc ông T còn ngược đãi bà L. Về hôn nhân: bà L yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Phú L1 (sinh ngày 25-02-2015). Hiện con chung đang sống chung với bà L và ông T. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung,

không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ: không có tài sản chung, không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27-12-2022, bị đơn là ông Lê Văn T khai thống nhất với bà L về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hôn nhân: ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Về con chung: ông T đồng ý để bà L trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Phú L1, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Văn T. Ông T cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần) nhưng không có mặt để tham gia hòa giải. Vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà L: bà L và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày ngày 10-02-2015 tại UBND xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà L và ông T đều cho rằng mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế nên thường xuyên gây cãi nhau. Sau khi Tòa án thụ lý thì ông T không tham gia hòa giải. Bà L yêu cầu ly hôn, ông T có bản tự khai đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: con chung tên Lê Nguyễn Phú L1 (sinh ngày 25-02-2015), hiện đang sống với bà L và ông T. Bà L và ông T đều thể hiện nguyện vọng để bà L trực tiếp nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là quyền tự định đoạt của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận tạm thời việc ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ: Bà L và ông T đều cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều L đối với ông Lê Văn T về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Phú L1 (sinh ngày 25-02-2015). Hiện con chung đang sống chung với bà L và ông T. Ghi nhận tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có nghĩa vụ giao con chung tên Lê Nguyễn Phú L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà L và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp theo biên lai thu số 0005467 ngày 08-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.